

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày 05/9/2024
V/v “Kiện yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ dân sự”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc “Kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần T1 - Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường H, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Địa chỉ gửi thông báo: Số 40 khu đất dịch vụ Cụm C, xã K, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thế T - Địa chỉ: Tổ B phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1 - Địa chỉ: Số nhà F đường T, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ khoảng năm 2017 đến tháng 10/2022, Công ty cổ phần T1 (“Công ty T1”) và bà Nguyễn Thị H1 đã bắt đầu thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa là các loại đá nhân tạo, đá tự nhiên của Công ty T1, do hai bên đã làm việc qua nhiều năm và có sự tin tưởng nhau nên không thực hiện việc ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Ngày 20/01/2022, Công ty T1 và bà H1 ký biên bản đối chiếu công nợ, theo đó thống nhất xác nhận số nợ của bà H1 là 1.078.000.248 đồng. Trong năm 2022, bà H1 có thanh toán nợ cho Công ty T1 số tiền là 51.350.400 đồng. Ngày 05/01/2023, Công ty T1 và bà H1 tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ, theo đó tính đến hết ngày 05/01/2023, tổng số công nợ của bà Nguyễn Thị H1 là: 1.026.649.848 đồng. Ngày 15/05/2023, Công ty T1 gửi Công văn số: 155/CV-HT đề nghị bà H1 thanh toán khoản công nợ nêu trên đến trước ngày 10/6/2023. Ngày 10/6/2023, Công ty T1 tiếp tục gửi Công văn số 106/CV-HT về việc thanh toán công nợ đến trước ngày 15/6/2023. Công ty T1 cũng rất nhiều lần liên lạc qua điện thoại với bà H1 để yêu cầu thanh toán khoản tiền nêu trên tuy nhiên bà H1 vẫn cố tình viện đủ mọi lý do và không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty T1. Hành vi của bà Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1, gây tổn thất và thiệt hại đến lợi ích của Công ty.

Về hợp đồng mua bán giữa Công ty T1 và bà H1 dựa trên tập quán, thói quen thương mại giữa hai bên nên không lập văn bản hợp đồng, các chứng từ xuất kho, hóa đơn do thời gian cũng đã từ lâu, hơn nữa định kỳ các bên cũng đã đối chiếu công nợ, do vậy phía Công ty T1 hiện không tìm thấy, không nộp được cho Tòa án. Do các bên đã thực hiện chốt công nợ của việc mua bán hàng hóa theo hai biên bản chốt nợ đã giao nộp. Đến nay Công ty T1 đề nghị Tòa án căn cứ vào hai biên bản chốt nợ giữa Công ty và bà H1 giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền là 1.066.860.300 đồng, trong đó tiền gốc là 1.026.649.848 đồng, tiền lãi tính từ ngày 11/6/2023 đến ngày 30/10/2023 là 141 ngày, mức lãi suất áp dụng 10%/ năm là 40.210.452 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất 10% tính từ ngày 01/11/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị H1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần T1.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Tòa án cho bị đơn, nhưng bị đơn từ chối không nhận các giấy tờ tố tụng của Tòa án, không có văn bản trả lời, cũng không đến tòa án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và thay đổi yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền còn nợ 1.026.649.848 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2023

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Nguyễn Thị H1 nhưng không cung cấp hợp đồng, hóa đơn bán hàng, phiếu xuất nhập kho liên quan đến việc mua bán, chỉ cung cấp hai biên bản đối chiếu công nợ vì vậy Tòa án xác định là vụ kiện “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 14 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

Theo trình bày của Nguyên đơn thì giữa Công ty cổ phần T1 và bà Nguyễn Thị H1 khoảng năm 2017 đến tháng 10/2022 đã thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa là các loại đá nhân tạo, đá tự nhiên của Công ty T1. Hai bên không thực hiện việc ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ngày 20/01/2022, Công ty T1 và bà H1 ký biên bản đối chiếu công nợ, theo đó thống nhất xác nhận số nợ của bà H1 là 1.078.000.248 đồng. Trong năm 2022, bà H1 có thanh toán tổng cộng nợ cho Công ty T1 số tiền là 51.350.400 đồng. Ngày 05/01/2023, Công ty T1 và bà H1 tiếp tục ký biên bản đối chiếu công nợ, tính đến hết ngày 05/01/2023, tổng số công nợ của bà Nguyễn Thị H1 là 1.026.649.848 đồng.

Xét thấy Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc buộc bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán khoản tiền còn nợ trong các giao dịch mua bán hàng hóa là các loại đá nhân tạo, đá tự nhiên của Công ty T1 nhưng không cung cấp hợp đồng, hóa đơn bán hàng, phiếu xuất nhập kho liên quan đến việc mua bán, chỉ cung cấp hai biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/01/2022 xác nhận số nợ của bà H1 là 1.078.000.248 đồng, bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2023 xác nhận số công nợ của bà Nguyễn Thị H1 là 1.026.649.848 đồng.

Như vậy theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2023 (Biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng) xác nhận số công nợ của bà Nguyễn Thị H1 là 1.026.649.848 đồng. Đối với bà Nguyễn Thị H1, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Tòa án cho bà H1, nhưng bà H1 từ chối không nhận các giấy tờ tố tụng của Tòa án, không có văn bản trả lời, cũng không đến tòa án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Tòa án căn cứ vào biên

bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2023 buộc bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền là 1.026.649.848 đồng là có căn cứ chấp nhận

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 274, Điều 275, Điều 351, Điều 352 của Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 14 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Khoản 1 điều 147; Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T1: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Công ty cổ phần T1 số tiền 1.026.649.848 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi tám đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 42.799.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.003.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm linh ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000576 ngày 07/5/2024 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Lanh